

Bản án số: 359/2021/DS-PT

Ngày: 19/10/2021

V/v tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng
Ông Trương Chí Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 622/2020/DSPT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “*tranh chấp chia thừa kế*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2021/QĐXX-PT ngày 07/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 317/2021/QĐHPT-PT ngày 25/5/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 616/2021/TB-TA ngày 27/9/2021 giữa:

1. Đồng nguyên đơn:

- Ông Nguyễn V L, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn V T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Thụy Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn T H, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Thôn Thụy Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2019).

Đồng bị đơn:

Ông Nguyễn H A, sinh năm 1974 và bà Hoàng T T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thúy: Ông Nguyễn H A; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. (theo giấy ủy quyền ngày 08/7/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn T C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn H A, bà Hoàng T T là bị đơn trong vụ án và bà Nguyễn T C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn V L trình bày:*

Bố ông là Nguyễn Văn Cừ, chết năm 2010, mẹ ông là Đàm Thị Diên, chết năm 1999. Hai cụ có tất cả 04 người con, gồm: Nguyễn T C, sinh năm 1959; Nguyễn V T, sinh năm 1963 Nguyễn H A, sinh năm 1974 và ông Nguyễn V L, sinh năm 1967, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi chết bố mẹ ông có để lại một phần đất nông nghiệp và đất rau xanh, cụ thể: thửa đất số 573, tờ bản đồ số 58, diện tích 239m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh; thửa đất số 103-1, tờ bản đồ số 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh; thửa đất số 321, tờ bản đồ số 42 diện tích 377 m² tại Dải Trên, thị trấn Quang Minh và thửa đất số 674 diện tích 191m². Các thửa đất nông nghiệp trên đều được cấp cho hộ Nguyễn Văn Cừ, gồm: Nguyễn Văn Cừ, Đàm Thị Diên và Nguyễn H A.

Năm 2017, Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) có thu hồi thửa đất số 321, tờ bản đồ số 42 diện tích 377 m² tại Dải Trên, thị trấn Quang Minh và thửa đất số 674 diện tích 191m² để giải phóng mặt bằng cho khu công nghiệp Quang Minh. Trong quá trình giải phóng mặt bằng Công ty Nam Đức đã trả tiền đền bù cho ông Nguyễn H A và bà Hoàng T T với tổng số tiền là 465.363.200 đ, ông có được biết sự việc nhưng không tham gia ký nhận tiền đền bù. Sau khi nhận tiền đền bù, ông Hồng Anh giữ và không chia cho những người thừa kế, ông và các anh chị em chỉ yêu cầu ông Hồng Anh chia cho một phần để hưởng lộc các cụ nhưng ông Hồng Anh và bà Thúy không đồng ý.

Nay, ông và ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là một phần tiền Công ty Nam Đức đã bồi thường cho bố mẹ ông, ông Hồng Anh và bà Thúy đang quản lý.

Ngày 12/6/2020, ông và ông T đã làm đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án chia một phần các thửa đất nông nghiệp là di sản của bố mẹ để lại là: Thửa đất số 573, tờ bản

đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh và thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Đồng nguyên đơn ông Nguyễn V T trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế như ông Nguyễn V L trình bày là đúng, về quan điểm giải quyết vụ án ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo như ông Luận trình bày theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn H A trình bày:

Bố ông là Nguyễn Văn Cừ, chết năm 2010, mẹ ông là Đàm Thị Diên, chết năm 1999. Bố, mẹ ông sinh được 04 anh chị em gồm: Nguyễn T C, sinh năm 1959; Nguyễn V T, sinh năm 1963; Nguyễn V L, sinh năm 1967 và ông là Nguyễn H A, sinh năm 1974 (ngoài ra, không có con nuôi, con riêng nào khác). Các anh chị đều được bố mẹ tôi xây dựng gia đình và ở riêng hơn 30 năm. Ông là con út ở với bố mẹ và có chung một hộ khẩu. Năm 1992, nhà nước cấp lại ruộng đất cho hộ nhà ông gồm có 03 khẩu là bố mẹ ông và ông. Các hộ nhà chị Chung, anh Thu và anh Luận cũng được Nhà nước cấp đầy đủ. Khi ông lớn lên bố, mẹ tuổi già, sức yếu ông phải làm ruộng lấy lương thực nuôi và chăm sóc bố mẹ. Bố ông bệnh tật phải nghỉ mất sức và bị Nhà nước cắt lương nên mới được chia ruộng canh tác. Mẹ ông thì hoạt động trong kháng chiến có thời gian bị tù đầy và bị tra tấn nên mắt kém và hay ốm đau nên kinh tế cũng khó khăn, còn về phần các anh, chị ông đã ở riêng và chưa bao giờ có trách nhiệm với bố mẹ. Năm 2000, ông lấy vợ và suất ruộng của vợ ông cũng chuyển về hộ gia đình ông. Hai vợ chồng canh tác số ruộng trong hộ khẩu nhà mình và đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Ông và vợ là người nuôi dưỡng và chăm sóc bố, mẹ cho đến lúc bố mẹ qua đời.

Ông Hồng Anh xác định các thửa đất được Công ty Nam Đức bồi thường xác định theo công ty thuộc lô 37, 38 là của hộ gia đình do bố ông (Nguyễn Văn Cừ) là chủ hộ, vợ chồng ông đứng ra nhận tiền bồi thường là đúng và không đồng ý chia tài sản cho ai hết. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Luận và ông T đề nghị Tòa án chia một phần các thửa đất nông nghiệp là di sản của bố mẹ để lại là: thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh và thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội ông cũng không đồng ý chia thừa kế.

- Đồng bị đơn bà Hoàng T T trình bày:

Bà và ông Nguyễn H A kết hôn năm 2000. Sau khi kết hôn bà về chung sống tại gia đình nhà chồng ở tổ 2, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh. Quá trình sống bà và ông Hồng Anh là người ở cùng và chăm sóc cho bố mẹ chồng đến khi qua đời. Nay ông Luận và ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là một phần đất nông nghiệp quan điểm của bà Thúy: Về các thửa đất được Công ty Nam Đức bồi thường xác định theo công ty thuộc lô 37, 38 là do nhà nước cấp cho hộ gia đình bố mẹ chồng và chồng bà

hơn 30 năm nay, không liên quan gì đến các anh Luận, Thu và chị Chung. Vì vậy, bà không đồng ý chia số tiền bồi thường này. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Luận và ông T bà cũng có quan điểm như chồng là ông Nguyễn H A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T C trình bày:

Bà là con gái của bố Nguyễn Văn Cừ, chết năm 2010 và mẹ là Đàm Thị Diên, chết năm 1999. Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế như ông Nguyễn V L và ông Nguyễn V T trình bày là đúng. Nay anh Luận và anh Thu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi thường đất nông nghiệp và chia thừa kế một phần thửa đất nông nghiệp số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh và thửa đất nông nghiệp số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, bà có mong các anh em thỏa thuận với nhau. Trong trường hợp không hòa giải được bà đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật. Nếu bà được chia thừa kế tài sản của bố mẹ, bà từ chối nhận phần của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2019, UBND thị trấn Quang Minh cung cấp:

Năm 1993, nhà nước có chủ trương giao đất nông nghiệp và đất rau xanh theo Nghị định 64 của Chính phủ, Hợp tác xã Giai Lạc có chia đất nông nghiệp và đất rau xanh cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Cừ, bà Đàm Thị Diên và anh Nguyễn H A, các thửa đất được giao cụ thể như sau:

1. Thửa đồng Ngái, thửa số 280, tờ bản đồ số 32, diện tích 343,4m², năm 2004 đã được bồi thường theo dự án của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Thửa Ái Má Giữa, số thửa 609, tờ bản đồ số 50, diện tích 165,3m², đã được bồi thường theo dự án của UBND tỉnh Vĩnh Phúc năm 2004.

3. Thửa Diệc dưới, thửa số 230, tờ bản đồ số 50, diện tích 202,6m² đã được bồi thường theo dự án của UBND tỉnh Vĩnh Phúc năm 2004.

4. Thửa Đồng Trại, thửa số 06, tờ bản đồ số 03, diện tích 672m² đã được bồi thường theo dự án của UBND tỉnh Vĩnh Phúc năm 2004.

5. Thửa Đồng Bông, thửa số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 96,8m², gia đình ông Hồng Anh và bà Thúy đang sử dụng.

6. Thửa Gò A, thửa số 573, tờ bản đồ số 58, diện tích 139m² do ông Hồng Anh và bà Thúy đang sử dụng.

7. Thửa Làng Mới, thửa số 103-1, tờ bản đồ số 49, diện tích 417,2m²

8. Thửa Đồng Dải Trên, thửa số 321, tờ bản đồ số 42, diện tích 377,7m², năm 2016-2017 Công ty Nam Đức đã bồi thường tiền đất cho ông Hồng Anh, bà Thúy.

9. Thửa Rau xanh, thửa số 674, tờ bản đồ số 33, diện tích 326,9m², năm 2016 Công ty Nam Đức đã bồi thường tiền đất cho ông Hồng Anh và bà Thúy.

Đất nông nghiệp và đất rau xanh giao cho hộ ông Nguyễn Văn Cừ được chia đều cho 03 thành viên trong hộ gồm ông Nguyễn Văn Cừ, bà Đàm Thị Diên và ông Nguyễn H A.

Các thửa đất của bà Hoàng T T (vợ ông Hồng Anh) được chuyển từ đội sản xuất số 2 hộ ông Hoàng Văn Giáp (bố của bà Thúy) sang đội sản xuất số 1 để tiện cho việc canh tác và nộp sản phẩm gồm:

Thửa Dải Dưới, thửa số 506, tờ bản đồ số 42, diện tích 400,9m², hiện bà Thúy đang sử dụng.

Thửa Dải Dưới, thửa số 510, tờ bản đồ số 17, diện tích 90,6m², hiện bà Thúy đang sử dụng.

Thửa Rau xanh, thửa số 814, tờ bản đồ số 26, diện tích 72m² do chị Thúy đang sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 87/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của đồng nguyên đơn ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V L về chia thừa kế 2/3 số tiền đền bù đất là 446.673.200đ; 2/3 thửa đất nông nghiệp số 573, tờ bản đồ 58 tại Gò A và 2/3 thửa đất nông nghiệp số 103-1, tờ bản đồ 49 tại Làng Mới đều thuộc thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cừ và cụ Đàm Thị Diên.

2. Xác nhận: Thửa đất nông nghiệp số 321, tờ bản đồ 42, diện tích 377,7m² tại Dải Trên; thửa đất nông nghiệp số 674, tờ bản đồ 33, diện tích 191,9m² tại Giai Lạc; thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A; thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới các thửa đất thuộc thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sử dụng của hộ cụ Nguyễn Văn Cừ, gồm các thành viên: Cụ Cừ cụ Đàm Thị Diên và ông Nguyễn H A. Cụ Diên chết năm 1999, cụ Cừ chết năm 2010 đều không để lại di chúc, phần di sản của cụ Cừ và cụ Diên được chia theo pháp luật.

3. Xác nhận năm 2016 - 2017, bà Hoàng T T (vợ ông Nguyễn H A) đã nhận tiền bồi thường đất nông nghiệp từ Công ty Nam Đức tại các thửa đất số 674, tờ bản đồ 33, diện tích 191,9m² tại Giai Lạc, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh là 156.782.300 đồng và thửa đất số 321, tờ bản đồ 42, diện tích 377,7m² (theo hồ sơ chi trả tiền bồi thường của Công ty Nam Đức là thửa 2044, diện tích 377,7m²) tại Dải Trên, thị trấn Quang Minh là 289.890.900 đồng. Tổng cộng 446.673.200 đồng (*hiện bà Thúy và ông Hồng Anh đang quản lý*).

4. Xác định tiền đền bù đất của cụ Cừ và cụ Diên là 297.782.133đ; thửa đất nông nghiệp số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139 m² tại Gò A và thửa đất nông nghiệp số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 377,7m² (*diện tích thực tế 396,7m²*) tại Làng Mới đều thuộc thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh có tổng trị giá 72.319.500 đồng, phần của cụ Cừ và cụ Diên là 48.213.000 đồng (*tương đương 357,33m² đất*).

5. Di sản của cụ Cừ và cụ Diên có tổng trị giá là 345.995.133đ. Trích 20% của tổng giá trị di sản của cụ Cừ và cụ Diên để chi công sức duy trì di sản cho ông Hồng Anh là 69.199.026 đồng.

6. Xác định di sản thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên còn lại là 276.796.107 đồng, theo phần: Cụ Cừ và cụ Diên mỗi người 138.398.054 đồng.

6.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Diên vào năm 1999 gồm: (1) Cụ Nguyễn Văn Cừ (2) bà Nguyễn T C; (3) bà ông Nguyễn V T; (4) ông Nguyễn V L; (5) ông Nguyễn H A.

6.1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Diên để lại là 138.389.054 đồng.

6.1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn T C từ chối nhận thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên.

6.1.3. Chia di sản của cụ Diên cho cụ Cừ, ông T, ông Luận và ông Hồng mỗi người một kỹ phần có trị giá 34.599.513 đồng.

6.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cừ vào năm 2010 gồm: (1) bà Nguyễn T C; (2) bà ông Nguyễn V T; (3) ông Nguyễn V L; (4) ông Nguyễn H A.

6.2.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Cừ để lại là 172.997.567 đồng.

6.2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn T C từ chối nhận thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên.

6.2.3. Chia di sản của cụ Cừ cho ông T, ông Luận và ông Hồng Anh mỗi người một kỹ phần có trị giá 57.665.855 đồng.

7. Chia thừa kế bằng tiền và bằng hiện vật như sau:

7.1. Ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V L được chia thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên bằng tiền mỗi người là 92.265.368 đồng.

7.2. Ông Nguyễn H A được chia thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên là: 2/3 quyền sử dụng thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, đất của ông Hồng Anh và đất được chia giới hạn bởi các điểm A,B,C,D,E, có sơ đồ kèm theo trị giá 18.765.000 đồng (*phần của cụ Cừ và cụ Diên là 12.510.000 đ*); 2/3 thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích thực tế 396,7m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, đất của ông Hồng Anh và đất được chia giới hạn bởi cá điểm A,B,C,D,E, có sơ đồ kèm theo trị giá 53.554.500 đồng (*phần của cụ Cừ và cụ Diên là 35.703.000 đ*) và ông Hồng Anh được chia số tiền 44.052.368 đồng.

Ông Hồng Anh có trách nhiệm thanh toán cho ông T và ông Luận mỗi người số tiền 92.265.368 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm bị đơn Nguyễn H A, bà Hoàng T T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

- Đất ruộng của gia đình ông là do nhà nước cấp cho gia đình ông làm nông nghiệp không phải do mua bán đổi chác.

- Đề nghị Tòa án xem xét lại số ruộng Công ty Nam Đức bồi thường cho ông trong diện tích ruộng của Hộ gia đình ông và số ruộng còn lại của hộ gia đình.

- Tính toán phân chia lại tài sản ruộng đất của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Xem xét lại phần ruộng của mẹ ông có trong diện tích còn lại của gia đình do ông canh tác và đóng thuế cho nhà nước. Xem xét lại trách nhiệm nuôi dưỡng của vợ chồng ông đối với bố mẹ và trách nhiệm của người được hưởng thừa kế là ông T, ông Luận, bà Chung đối với bố mẹ ông.

Bà Nguyễn T C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ bà cho 04 anh chị em, phần thừa kế của bà được hưởng bà nhường lại cho em trai là ông Nguyễn H A. Ngày 14/4/3021 bà Chung có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm vì lý do khi bố ông còn sống đã nhận tiền bồi thường đối với đất ruộng được nhà nước giao và tự sử dụng số tiền đó, số tiền ông nhận bồi thường nằm trong diện tích ruộng của ông được giao là 1/3 tổng diện tích đất ruộng của hộ gia đình do vậy nó thuộc quyền lợi của cá nhân ông. Mẹ ông còn sống cũng đã cho ông Luận một phần đất nông nghiệp tại Đồng Hai và ông Luận đã đóng thuế cho nhà nước. Bố mẹ ông còn sống, ông là người chăm sóc nuôi dưỡng, bố mẹ ông ở với ông nên ông có quyền sử dụng ruộng đất đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn T C, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn H A, bà Hoàng T T, xác định số tiền 69.199.026 đồng là công sức duy trì di sản và chăm sóc bố mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Nguyễn H A, bà Hoàng T T bà nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Bà Nguyễn T C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm bà có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn T C theo quy định tại khoản 3, điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự và xem xét giải quyết đối với kháng cáo của ông Nguyễn H A và bà Hoàng T T.

Bà Chung được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và đã có đơn xin rút kháng cáo nên căn cứ vào Điều 289 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Chung.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa của nguyên đơn:

Về quan hệ huyết thống: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất lời khai: Cụ Nguyễn Văn Cừ, chết năm 2010 và cụ Đàm Thị Diên, chết năm 1999, cụ Cừ và cụ Diên chết không để lại di chúc. Cụ Cừ và cụ Diên có 04 người con, gồm: Nguyễn T C; Nguyễn V T; Nguyễn V L và Nguyễn H A. Ngoài ra không còn con chung, con con nuôi, con riêng nào khác.

Căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự, xác định ông Luận và ông T khởi kiện chia thừa kế đúng trong thời hạn luật định.

Về di sản thừa kế và quá trình sử dụng đất: Năm 1993, hộ gia đình cụ Cừ được giao đất nông nghiệp gồm 03 khẩu: Nguyễn Văn Cừ, Đàm Thị Diên và Nguyễn H A (phần đất nông nghiệp được giao bằng nhau). Hộ cụ Cừ được giao nhiều thửa đất nông nghiệp, đất rau xanh và đã được nhà nước đền bù nhiều lần. Thời điểm các cụ chết chỉ còn lại các thửa đất nông nghiệp: (1) Thửa đất số 321, tờ bản đồ 42, diện tích 377,7m² tại Dải Trên; (2) Thửa đất số 674, tờ bản đồ 33, diện tích 326,9m² (trước đây đã được đền bù chỉ còn lại 191,9m²) tại Giai Lạc; (3) Thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A; (4) Thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² tại Làng Mới, toàn bộ các thửa đất này đều thuộc, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh. Toàn bộ các thửa đất nêu trên do ông Nguyễn H A và Bà Hoàng T T (con dâu) quản lý sử dụng.

Năm 2016, UBND huyện Mê Linh ban hành Quyết định 982/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khác khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng lô đất số 38 KCN Quang Minh (đợt 1). Công ty Nam Đức là đơn vị đứng ra chi trả tiền bồi thường. Theo biên bản

về việc nhận tiền bồi thường, bà Hoàng T T (đại diện cho hộ ông Cừ) nhận số tiền bồi thường thửa đất số 674, tờ bản đồ 33, diện tích 191,9m² tại Gia Lạc, thị trấn Quang Minh là 156.782.300 đ.

Năm 2017, UBND huyện Mê Linh ban hành Quyết định 5167/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khác khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng lô đất số 37 KCN Quang Minh (đợt 2). Công ty Nam Đức là đơn vị đứng ra chi trả tiền bồi thường. Theo biên bản về việc nhận tiền bồi thường, bà Hoàng T T (đại diện cho hộ ông Cừ) nhận số tiền bồi thường thửa đất số 321, tờ bản đồ 42, diện tích 377,7m² (theo hồ sơ chi trả tiền bồi thường của Công ty Nam Đức là thửa 2044, diện tích 377,7m²) tại Dải Trên, thị trấn Quang Minh là 289.890.900 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cừ và cụ Đàm Thị Diên để lại sau khi chết là 2/3 số tiền Công ty Nam Đức đã bồi thường cho gia đình cụ Cừ, bà Thúy vợ ông Hồng Anh là người đứng ra nhận và 2/3 diện tích thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A và thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m², diện tích đo thực tế là 396,7m² tại Làng Mới đều thuộc thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh là có căn cứ. Kết quả định giá hai thửa đất nông nghiệp đều có giá là 135.000 đ/01 m². Tổng trị giá di sản thừa kế cụ Cừ, cụ Diên để lại là:

- Tiền đền bù đất là 446.673.200 đồng x 2/3 = 297.782.133 đồng.
- 02 thửa đất nông nghiệp có trị giá 139m² + 396,7m² = 535,7m² x 135.000 đồng = 72.319.500 đồng x 2/3 = 48.213.000 đồng (*tương đương 357,13m² đất*).

Tổng trị giá tiền đất nông nghiệp và tiền đền bù là 345.995.133 đồng.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế:

Cụ Cừ, cụ Diên chết không để lại di chúc, nay ông Luận, ông T là hai con cụ Cừ, cụ Diên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế hai cụ để lại theo pháp luật là có căn cứ.

Cụ Diên chết năm 1999, thời điểm mở thừa kế của cụ Diên là năm 1999. Cụ Cừ chết năm 2010 nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Cừ là năm 2010, tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cả hai cụ vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về công sức duy trì, bảo quản di sản thừa kế: Sau khi cụ Cừ và cụ Diên chết, ông Hồng Anh là người quản lý, bảo quản toàn bộ di sản của cụ Cừ và cụ Diên. Hội đồng xét xử sơ thẩm trích 20% trên tổng trị giá di sản của cụ Cừ và cụ Diên để tính công sức duy trì quản lý tài sản ông Hồng Anh là phù hợp. Di sản thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên còn lại sau khi trích công sức cho ông Hồng Anh là 276.796.107 đồng, mỗi cụ là 138.389.054 đồng.

Bà Nguyễn T C từ chối nhận di sản thừa kế, vì vậy di sản của hai cụ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Nguyễn V T, ông Nguyễn V L và ông Nguyễn H A,

mỗi người được hưởng: $276.796.107 \text{ đồng} : 3 = 92.265.369 \text{ đồng}$. Ông Hồng Anh được hưởng bao gồm 20% công sức và kỹ phần thừa kế là $69.199.026 \text{ đồng} + 92.265.369 \text{ đồng} = 161.464.395 \text{ đồng}$.

Về việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật: Kể từ khi cụ Cừ và cụ Diên chết, ông Hồng Anh là người sử dụng đất nông nghiệp cho đến nay, diện tích đất các thửa đất nông nghiệp trên cũng có 1/3 là của ông Hồng Anh, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ Cừ, cụ Diên là 2/3 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m^2 tại Gò A và 2/3 thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích $396,7\text{m}^2$ tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội cho ông Hồng Anh tiếp tục sử dụng.

Vợ chồng ông Hồng Anh là người nhận tiền bồi thường đất của công ty Nam Đức và hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật nên phải có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho ông T và ông Luận bằng tiền là phù hợp.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vì đất ruộng của gia đình ông là do nhà nước cấp cho gia đình ông làm nông nghiệp không phải do mua bán đổi chác. Tuy nhiên ruộng đất là di sản thừa kế của cụ Cừ, cụ Diên chưa chia, nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế là đúng quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét lại số ruộng Công ty Nam Đức bồi thường cho ông trong diện tích ruộng của Hộ gia đình ông và số ruộng còn lại của hộ gia đình, số ruộng Công ty Nam Đức bồi thường là ruộng của vợ chồng ông, tuy nhiên tại biên bản xác minh tại UBND thị trấn Quang Minh và tài liệu do Công ty Nam Đức cung cấp thể hiện số ruộng công ty Nam Đức bồi thường cho gia đình cụ Cừ do vợ ông là bà Hoàng T T đứng ra nhận tiền là thửa đất do Nhà nước cấp cho cụ Cừ, cụ Diên và ông Hồng Anh.

Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tính toán phân chia lại tài sản ruộng đất và xem xét lại trách nhiệm nuôi dưỡng của vợ chồng ông đối với bố mẹ và trách nhiệm của người được hưởng thừa kế là ông T, ông Luận, bà Chung đối với bố mẹ ông: Xét thấy, di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại là ruộng, ông là người canh tác và thu hoa lợi nên phải thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước, vì vậy tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét trích công sức duy trì di sản thừa kế cho ông là 20% tổng giá trị di sản thừa kế là phù hợp.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có căn cứ chấp nhận kháng của bị đơn nên cần giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa lại cách tuyên án cho phù hợp.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 1/3 chi phí thẩm định, định giá tài sản mà nguyên đơn đã nộp.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật.

Bà Nguyễn T C là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Xử:

Căn cứ vào:

- Điều 148, 201, 202, Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn T C.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn H A và bà Hoàng T T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 87/2020/DSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh về cách tuyên án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V L đối với ông Nguyễn H A và bà Hoàng T T về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cừ và cụ Đàm Thị Diên.

1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cừ và cụ Đàm Thị Diên gồm:

- 2/3 số tiền bồi thường đất nông nghiệp từ Công ty Nam Đức tại các thửa đất số 674, tờ bản đồ 33, diện tích 191,9m² tại Giai Lạc, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh là 156.782.300 đồng và thửa đất số 321, tờ bản đồ 42, diện tích 377,7m² (theo hồ sơ chi trả tiền bồi thường của Công ty Nam Đức là thửa 2044, diện tích 377,7m²) tại Dải Trên, thị trấn Quang Minh là 289.890.900 đồng. Tổng trị giá 297.782.133 đồng hiện ông Hồng Anh và bà Thúy đang quản lý).

- 2/3 quyền sử dụng thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A và 2/3 quyền sử dụng thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích 417,2m² (đo thực tế 396,7m²) tại Làng Mới thuộc thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội hiện vợ chồng ông Hồng Anh và bà Thúy đang quản lý sử dụng.

Tổng trị giá di sản của cụ Cừ và cụ Diên để lại là 345.995.133 đồng.

1.2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Diên là năm 1999, thời điểm mở thừa kế của cụ Cừ là năm 2010.

1.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cừ và cụ Diên gồm: Ông Nguyễn V L, ông Nguyễn V T, ông Nguyễn H A và bà Nguyễn T C.

1.4. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Cừ và cụ Đàm Thị Diên theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn T C.

- Trích công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế cho ông Nguyễn H A là 20% của tổng giá trị di sản của cụ Cừ và cụ Diên để lại là 69.199.026 đồng.

- Di sản thừa kế của cụ Cừ và cụ Diên còn lại sau khi trích công sức cho ông Hồng Anh là 276.796.107 đồng.

- Chia di sản thừa kế của cụ Cừ, cụ Diên cho hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Nguyễn V T, ông Nguyễn V L, ông Nguyễn H A mỗi người được hưởng: 92.265.369 đồng. Kỳ phần ông Hồng Anh được hưởng gồm kỳ phần thừa kế và công sức duy trì di sản là 161.464.395 đồng

+ Chia cho ông Nguyễn H A hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ 2/3 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 573, tờ bản đồ 58, diện tích 139m² tại Gò A, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh và 2/3 thửa đất số 103-1, tờ bản đồ 49, diện tích thực tế 396,7m² tại Làng Mới, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh nằm trong thửa đất hiện vợ chồng ông Hồng Anh và bà Hoàng T T đang quản lý, sử dụng.

+ Buộc ông Nguyễn H A có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V L mỗi người số tiền 92.265.369 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

2. Về tiền chi phí tố tụng: Các được sự trong vụ án gồm: Ông T, ông Luận, ông Hồng Anh mỗi người phải chịu 3.333.333 đồng tiền chi phí định giá. Ông T và ông Luận đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng, ông Hồng Anh có nghĩa vụ thanh toán cho ông T và ông Luận mỗi người 1.666.666 đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn V T và ông Nguyễn V L mỗi người phải chịu 4.613.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009044 ngày 30/5/2019 số tiền 11.300.000 đồng và biên lai thu số 0009592 ngày 15/6/2020 số tiền 300.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Ông T và ông Luận được trả lại số tiền 2.374.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn H A phải chịu phải chịu 8.073.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn H A, bà Hoàng T T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009763 ngày 7/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, ông Hồng Anh còn phải nộp tiếp số tiền 7.773.000 đồng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 19/10/2021./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Mê Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Mạnh Cẩm Yến